

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

2. Mã học phần: TANH 221

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành xong học phần tiếng Anh cơ bản 2

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Máy tính, các bộ phận của máy tính, máy tính trong lĩnh vực giao tiếp, Internet và emails, máy in, bộ nhớ. Học phần cung cấp cho sinh viên cấu trúc câu bị động, cách dùng đại từ quan hệ, cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách kết hợp các từ ngữ, cách miêu tả. Đặc biệt học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

7. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các bộ phận của máy tính và chức năng của chúng, những ứng dụng của máy tính, hệ thống máy tính, mạng Internet, các loại máy in.	2	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.2	Nêu được cách sử dụng của cấu trúc câu bị động, cách dùng của đại từ quan hệ, cấu trúc so sánh hơn của tính từ.	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, nghe hiểu và đọc hiểu các bộ phận, công dụng của máy tính trong các lĩnh vực của đời sống khoa học, giao tiếp được về lĩnh vực máy tính	4	[1.2.2.4]
MT2.2	Viết được đoạn văn miêu tả về các bộ phận của máy tính, tính năng của máy tính.	4	[1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các đại từ quan hệ, cấu trúc câu bị động, cách phối hợp các từ ngữ, dạng thức so sánh của tính từ.	3	[2.1.3]
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng chỉ các bộ phận của máy tính và chức năng của chúng, những ứng dụng của máy	2	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	tính, hệ thống máy tính, mạng Internet, các loại máy in...		
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Có khả năng giới thiệu về các bộ phận, công dụng của máy tính, máy in, internet, mạng máy tính...	4	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ đề đã được thực hành trên lớp.	4	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1 : Living in a digital age 1.1. Reading : The digital age 1.2. Language work: Collocation 1 1.3. Listening: Computers at work 1.4. Writing and speaking:	X	X	X	X	X		X
2	Unit 2: Computer essentials 2.1. Computer hardware	X	X	X	X	X	X	X

	<p>2.2. What is a computer?</p> <p>2.3. Different types of computer</p> <p>2.4. Language work: Classifying: Complete these sentences with suitable classifying expressions</p> <p>2.5. Speaking: Describing diagram</p>							
3	<p>Unit 3: Inside the system</p> <p>3.1. Technical specifications</p> <p>3.2. What is inside a PC system?</p> <p>3.3. Language work: Defining relative clauses</p> <p>3.4. How memory is measured?</p> <p>3.5. A PC system</p> <p>3.6. Your ideal computer system</p>	X	X	X	X	X	X	X
4	<p>Unit 4: Type, click, and talk!</p> <p>4.1. Interacting with your computer</p> <p>4.2. Speaking: Describing functions and features</p> <p>4.3. The keyboard</p> <p>4.4. Mouse actions: Complete this text about the mouse with verbs from the box.</p>	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 5: Capture your favorite	X	X		X	X	X	X

	<p>5.1. The eyes of your computer</p> <p>5.1.1. Discussion</p> <p>5.1.2. Read the text again answer these questions.</p> <p>5.2. Scanners</p> <p>5.3. Language work 1 : Facts and opinions</p> <p>5.4. Language work 2: Superlatives</p> <p>5.5. Press release: A digital camera</p> <p>5.6. Describing a camera</p>			X				
6	<p>Unit 6: Choosing a printer</p> <p>6.1. Types of printer</p> <p>6.2. Choosing the right printer</p> <p>6.3. Multi-function printers</p> <p>6.4. Language work: Comparatives</p> <p>6.5. Reading quiz – printer adverts: Read the adverts and then answer these questions</p>	X	X	X	X	X	X	X
7	<p>Unit 7: Optical storage</p> <p>7.1. CDs and DVDs</p> <p>7.2. Optical discs and drives</p> <p>7.2. Language work: Connectors 2</p> <p>7.3. Choosing storage devices</p>	X	X	X	X	X	X	X

8	Unit 8: The graphical user interface 8.1. Vocabulary 8.2. Language work: short relative clauses 8.3. Reading comprehension 8.4. Practice 8.5. Further reading	x	x	x	x	x	x	X
9	Unit 9: A web 9.1. A typical web page 9.1.1. Look at the screenshot of a typical web page. How many of the features (a-k) can you say in English? 9.1.2. Read the text and label the features on the screenshots with the terms in the bold. 9.1.3. Listen to three internet addresses and write them down. 9.2. The collectives of cyberspace 9.3. Language work: Collocation 2 9.4. E-commerce and online banking 9.5. What do you use the Web for?	X	x	x	x	x	x	x
10	Unit 10: Chat and conferencing	x	x	x	x	x	x	x

	<p>10.1. Online chatting: Discuss these</p> <p>10.2. Virtual meetings</p> <p>10.3. R u free 4 a chat?</p> <p>10.4. Listening: At a cybercafé</p> <p>10.5. Plan your own cybercafé:.</p>							
11	<p>Unit 11: Internet security</p> <p>11.1. On alert</p> <p>11.2. Security and privacy on the Internet</p> <p>11.3. Safety online for children</p> <p>11.4. History of hacking: Read Part 1 of the text and answer these questions.</p> <p>11.5. Language work: The past simple</p>	x	x	x	x	x	x	X
12	<p>Unit 12: Communication systems</p> <p>12.1. Information and communications technologies (ICT)</p> <p>12.2. Language work: The passive</p> <p>12.3. VOIP technology</p> <p>12.4. Mobile phones</p>	X	x	x	x	x	x	x
13	<p>Unit 13: Networks</p> <p>13.1. Small networks</p> <p>13.2. Networking FAQs</p>	x	x	x	x	x	x	x

	13.3. Language work: Phrasal verbs							
14	Unit 14: Careers in computing 14.1. Reading 14.2. Language work: Job requirement 14.3. Study job advertisement 14.4. Before interview 14.5. Questions for interview	x	x	x	x	x	x	x
15	Unit 15: Interview 15.1. Study job advertisement 15.2. Before interview 15.3. Questions for interview 15.4. Conversation	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Tham dự lớp học bao gồm: - Sự hiện diện trên lớp - Ý thức chuẩn bị bài	1 điểm	20 %	

	- Kiểm tra thường xuyên			
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30 %	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian 90 phút	50 %	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình kiểm tra sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm các dạng bài:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Viết lại câu
- + Dịch sang tiếng Việt

Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Đào tạo). Trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng TT, KT&ĐBCL chọn một cách ngẫu nhiên và được bảo mật. Trong quá trình thi, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm các dạng bài sau:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Viết lại câu
- + Dịch sang tiếng Việt

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ, đọc bài đọc, viết lại câu..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên trình bày phân tích cấu trúc câu, bài đọc, sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của học sinh liên quan đến bài học.

Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên, hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc ngữ pháp.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, các bài đọc có liên quan đến chủ đề bài học.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu học tập:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình TACN Công nghệ thông tin – Trường Đại học Sao Đỏ

- Tài liệu tham khảo:

[2] . Raymond Murphy, *English grammar in use*, Cambridge Press

[3] . Từ điển chuyên ngành Công nghệ thông tin

[4] . Sách Căn bản tiếng Anh trong Tin học

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Unit 1 : Living in a digital age Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến máy tính trong cuộc sống hàng ngày - Hiểu và sử dụng các cụm từ ghép Nội dung cụ thể: 1.1. Reading : The digital age 1.1.1. Match the caption with the pictures 1.1.2. Discussion: How are computers used in the situations above?	3	[1] [3] [4]	-Đọc tài liệu [1] [3], mục 1.1.3 và tra từ mới trong bài đọc trang 1,2 -Tìm hiểu khái niệm Collocation trên mạng Internet -Đọc bài 1 TL [4] trang 47,48

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.1.3. Read the text and do the following tasks: The digital age 1.2. Language work: Collocation 1 1.3. Listening: Computers at work 1.4. Writing and speaking:			
2	Unit 2: Computer essentials Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các bộ phận của máy tính - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu chỉ sự phân loại - Mô tả được sơ đồ chỉ các thiết bị ngoại vi của máy tính Nội dung cụ thể: 2.1. Computer hardware 2.2. What is a computer? 2.2.1. Read the text : What's the computer 2.2.2. Match these words from the text (1-9) with correct meanings (a-i) 2.3. Different types of computer 2.4. Language work: Classifying: Complete these sentences with suitable classifying expressions 2.5. Speaking: Describing diagram	3	[1] [3] [4]	-Đọc tài liệu [1], mục 2.2.1 và tìm hiểu các từ mới trong bài đọc -Tìm hiểu khái niệm về máy tính và phần cứng trên mạng Internet -Đọc bài 5 TL [4] trang 101,102
3	Unit 3: Inside the system Mục tiêu: - Trình bày các từ chỉ các thông số kỹ thuật, các bộ phận bên trong CPU của máy tính - Hiểu và sử dụng đại từ quan hệ xác định	3	[4] [1] [2]	-Đọc tài liệu [4] , bài 92, 93 và dịch sang tiếng Việt -Đọc tài liệu [1]: Mục 3.2.2 và tìm từ mới trong bài

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Đọc đơn vị đo bộ nhớ của máy tính, mô tả được sơ đồ hệ thống máy tính</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Technical specifications</p> <p>3.2. What is inside a PC system?</p> <p>3.2.1. Read the text and then answer these questions.</p> <p>3.2.2. Look at these extracts from the text. What do the words in bold refer to?</p> <p>3.3. Language work: Defining relative clauses</p> <p>3.4. How memory is measured?</p> <p>3.5. A PC system</p> <p>3.6. Your ideal computer system</p>			<p>-Đọc tài liệu [2], Bài 92, 93, 94, 95, 96 và làm các bài tập</p> <p>-Đọc bài 11 TL [4] và làm các bài tập</p>
4	<p>Unit 4: Type, click, and talk!</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng chỉ các thiết bị đầu nhập của máy tính, từ vựng chỉ các phím trên bàn phím</p> <p>- Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu mô tả đặc điểm và chức năng của thiết bị</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Interacting with your computer</p> <p>4.2. Listening: Describing input devices</p> <p>4.3. Speaking: Describing functions and features</p> <p>4.4. The keyboard them on the keyboard.</p> <p>4.5. Mouse actions: Complete this text about the mouse with verbs from the box.</p> <p>4.6. Speech recognition systems</p>	3	[1] [3]	<p>-Đọc tài liệu [1] : mục 4.5, tra từ mới và điền vào chỗ trống</p> <p>-Ôn tập lại kiến thức ngữ pháp và nội dung chính của các bài đọc từ bài 1 đến bài 4 chuẩn bị kiểm tra định kỳ bài số 1</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
5	<p>Unit 5: Capture your favorite</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến các loại máy quay - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu so sánh nhất của tính từ <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. The eyes of your computer</p> <p>5.1.1. Discussion</p> <p>5.1.2. Read the text again answer these questions.</p> <p>5.2. Scanners</p> <p>5.3. Language work 1 : Facts and opinions</p> <p>5.4. Language work 2: Superlatives</p> <p>5.5. Press release: A digital camera</p> <p>5.6. Describing a camera</p>	3	<p>[1]</p> <p>[3]</p> <p>[2]</p>	<p>-Đọc tài liệu [1] [3]: Mục 5.1.2 tra từ mới</p> <p>- Đọc tài liệu [2]: bài 108 và làm các bài tập trong bài</p> <p>-Tìm hiểu quy tắc thành lập dạng so sánh hơn trên mạng Internet</p> <p>Tìm hiểu các khái niệm về máy ảnh kỹ thuật số và máy ảnh</p>
6	<p>Unit 6: Choosing a printer</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến các loại máy in - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu so sánh hơn của tính từ <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Types of printer</p> <p>6.1.1. How many types of printer can you think of? Make a list.</p> <p>6.1.2. Read the article and then label the types of printer (1-5). Which types of printer aren't pictured?</p> <p>6.1.3. Find words in the article with the following meanings.</p> <p>6.2. Choosing the right printer</p> <p>6.3. Multi-function printers</p>	3	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p>	<p>- Đọc tài liệu [1], [3] ; mục 6.1.2, tra từ mới trong bài</p> <p>-Đọc tài liệu [4]: bài 16 và tra từ mới trong bài</p> <p>-Đọc tài liệu [2] bài 105, 106 và làm các bài tập trong bài</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	6.4. Language work: Comparatives 6.5. Reading quiz – printer adverts: Read the adverts and then answer these questions			
7	Unit 7: Optical storage Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến CD và DVD - Hiểu và sử dụng các từ nối Nội dung cụ thể: 7.1. CDs and DVDs 7.2. Optical discs and drives 7.2. Language work: Connectors 2 7.3. Choosing storage devices Unit 8: The internet and email Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet và thư điện tử - Đặt câu hỏi có từ để hỏi Nội dung cụ thể: 8.1. Internet basics 8.2. Internet FAQs 8.3. Language work: Questions 8.4. Email features: Read the text and find the following.	3	[1] [3] [2] [4]	-Đọc tài liệu [1] [3] mục 7.2.1 -Đọc tài liệu [2] : bài 113, 114, 115, 116 và làm các bài tập trong bài -Đọc tài liệu [4]: bài 12 và dịch sang tiếng Việt -Đọc tài liệu [1] [3]: mục 8.2.1 tra từ mới trong bài -Đọc tài liệu [2] bài 49, 50 và làm các bài tập trong bài
8	Kiểm tra giữa học phần	3	[1] [2] [4]	Ôn tập các nội dung từ bài 1 đến bài 8
9	Unit 9: A web Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến giao diện trang web - Hiểu và sử dụng các cụm từ ghép Nội dung cụ thể:	3	[1] [3]	-Đọc tài liệu [1] [3]: mục 9.1.2 và tra từ mới trong bài đọc -Tìm hiểu khái niệm trang Web trên mạng Internet



Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>9.1. A typical web page</p> <p>9.1.1. Look at the screenshot of a typical web page. How many of the features (a-k) can you say in English?</p> <p>9.1.2. Read the text and label the features on the screenshots with the terms in the bold.</p> <p>9.1.3. Listen to three internet addresses and write them down.</p> <p>9.2. The collectives of cyberspace</p> <p>9.3. Language work: Collocation 2</p> <p>9.4. E-commerce and online banking</p> <p>9.5. What do you use the Web for?</p>			
10	<p>Unit 10: Chat and conferencing</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến trò chuyện và hội thảo trực tuyến - Nghe hiểu và trả lời các câu hỏi về cybercafe' <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>10.1. Online chatting: Discuss these</p> <p>10.2. Virtual meetings</p> <p>10.2.1. Read the text and match the headings (1-5) with the gaps at the start of each paragraph (a-e).</p> <p>10.2.2. Read the text again and answer these questions.</p> <p>10.3. R u free 4 a chat?</p>	3	[1] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1] [3] : mục 10.2.1 và tra từ mới trong bài đọc - Tìm hiểu những thuận lợi của việc trao đổi thông tin qua mạng Internet

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	10.4. Listening: At a cybercafé 10.5. Plan your own cybercafé:.			
11	<p>Unit 11: Internet security</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến an ninh mạng - Hiểu và sử dụng cấu trúc thì quá khứ đơn <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1. On alert</p> <p>11.1.1. Discuss these questions.</p> <p>11.1.2. Match the captions (1-4) with the pictures (a-d)</p> <p>11.2. Security and privacy on the Internet</p> <p>11.3. Safety online for children</p> <p>11.4. History of hacking: Read Part 1 of the text and answer these questions.</p> <p>11.5. Language work: The past simple</p>	3	[1] [3] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1] [3] : mục 112.1 và tra từ mới của bài đọc - Đọc tài liệu [2] : bài 5 và làm các bài tập trong bài
12	<p>Unit 12: Communication</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu bị động <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>12.1. Information an communications technologies (ICT)</p> <p>12.1.1. In pairs, discuss these questions.</p> <p>12.1.2. Label the pictures (1-7) with the ICT systems and services in the box.</p> <p>12.2. Language work: The passive</p>	3	[1], [3] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1] ,[3] : mục 12.1.3 trang 71, 72 và tra từ mới trong bài- - Đọc tài liệu [2]: bài 42,43, 44 và làm các bài tập trong bài - Tìm hiểu các khái niệm về điện thoại di động

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	12.3. VOIP technology 12.4. Mobile phones			
13	<p>Unit 13: Networks</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng máy tính - Hiểu và sử dụng các cụm động từ <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>13.1. Small networks</p> <p>13.1.1. In pairs, discuss these questions</p> <p>13.1.3. Listen again and label the element</p> <p>13.2. Networking FAQs</p> <p>13.3. Language work: Phrasal verbs</p>	3	[1] [3] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu [1], [3] : mục 12.2.1 tra từ mới và dịch bài khoá sang tiếng Việt - Đọc tài liệu [2]: bài 137 đến bài 145 và làm bài tập trong bài
14	<p>Unit 14: Careers in computing</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến công việc trong lĩnh vực máy tính - Mô tả được các vấn đề, cách giải quyết các vấn đề trong công việc liên quan đến máy tính - Viết được sơ yếu lí lịch <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>14.1. Reading</p> <p>14.1.1. Warm-up</p> <p>14.1.2 Read the text and take notes about main responsibilities</p> <p>14.2. Language work: Job requirement</p> <p>14.2.1 Study requirement</p> <p>14.2.2. Describe each requirement using <i>must have /be, should have/be</i></p>	3	[1] [3] [2] [4]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc mục 14.1.2 và tra từ mới tài liệu [1],[3] - Tìm hiểu cách sử dụng của should trong T1 [2] bài - Ôn tập lại thì hiện tại hoàn thành bài TL [2]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	14.2.3. <i>Problem-solving</i> 14.2.4. <i>Curriculum vitae</i>			
15	Unit 15: Interview Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến các công việc trong lĩnh vực máy tính - Trả lời các câu hỏi phỏng vấn xin việc - Viết 1 lá thư xin việc Nội dung cụ thể: 15.1. Study job advertisement 15.2. Before interview 15.3. Questions for interview 15.4. Conversation	3	[1] [2]	- Ôn tập cách thì cơ bản trong tiếng Anh TL [2] - Tìm hiểu kỹ năng phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh trên Internet
16	Ôn tập và phụ đạo		[1] [2]	Ôn tập lại các cấu trúc ngữ pháp từ Unit 1 đến Unit 15 Hệ thống lại các từ vựng theo chủ đề bài học từ Unit 1 đến Unit 15 Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.


Ngày 19 tháng 8 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TS. Phí Đăng Tuệ

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên